

Bản án số: **534/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/6/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Liên Hương

2/ Ông Đặng Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cường – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Tường T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: 136/6B Đường Q, phường W, quận E, TP.Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Như L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 104/18/7 Đường A, phường S, quận T, TP.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Tường T trình bày: Ông và bà Ngô Thị Như L tự nguyện kết hôn năm 2002 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 69/2002 do Ủy ban nhân dân phường D, quận E cấp ngày 26/7/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được do tính tình và quan điểm sống của hai bên không phù hợp, bà L ghen tuông vô cớ, đặt điều xúc phạm danh dự của chồng và gia đình chồng, lên mạng xã hội nói xấu chồng, mang chuyện vợ chồng nói cho người khác biết. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông cũng đã tạo điều kiện để gia đình cùng đi chơi với mục đích là để hàn gắn

nhưng ông nhận thấy tính tình bà L vẫn không thay đổi. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà L nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tường K1 sinh ngày 31/8/2004 và Trần Tường K2 sinh ngày 22/9/2006. Hiện nay hai trẻ đang sống cùng với mẹ. Do hiện nay ông chưa có chỗ ở ổn định nên đồng ý giao hai trẻ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Ngô Thị Như L trình bày: Bà xác nhận việc ông T trình bày về việc kết hôn là đúng. Ông T bỏ nhà đi từ ngày 16/3/2017 không rõ nguyên nhân. Những gì ông T nói không có chứng cứ. Giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì chẳng qua là hiểu lầm do ông T có đơn thưa quan hệ bất chính với đồng nghiệp nữ Bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Tường K1 sinh ngày 31/8/2004 và Trần Tường K2 sinh ngày 22/9/2006. Do bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Trần Tường T có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn bà Ngô Thị Như L trình bày: quá trình chung sống bà chỉ nhắc nhở chồng về việc hay đi sớm về trễ, ông T bỏ đi do hiểu lầm bà có thư mặc danh tố cáo chồng, bà cũng đã tìm đủ mọi cách để nói chuyện với ông T mục đích để hàn gắn nhưng ông T không hợp tác. Bà không đồng ý ly hôn với ông T vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì; về con chung: trong trường hợp ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi con 5.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung: tự thỏa thuận; về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Tường T xin ly hôn với bà Ngô Thị Như L đang cư trú tại 104/18/7 Đường A, phường S, quận T, TP.Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Tường T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 69/2002 do Ủy ban nhân dân phường 9, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2002 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Tường T và bà Ngô Thị Như L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Xét từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử bà L không đồng ý ly hôn, Tòa án cũng đã tạo điều kiện và thời gian để hai bên hòa giải đoàn tụ với nhau tuy nhiên cả hai bên đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đã ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn sự quan tâm lẫn nhau nên không thể có khả năng đoàn tụ với nhau. Do mâu thuẫn giữa ông T và bà L không thể giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Tường K1 sinh ngày 31/8/2004 và Trần Tường K2 sinh ngày 22/9/2006.

Xét ông T yêu cầu giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử giao 2 trẻ K1 và K2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 3.000.000 đồng, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 5.000.000 đồng. Xét hiện nay 02 trẻ K1 và K2 đang lớn, nhu cầu sinh hoạt và học hành nhiều nên để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho 02 trẻ Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng 5.000.000 đồng/trẻ/tháng. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 5.000.000 đồng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tường T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tường T được ly hôn với bà Ngô Thị Như L.

- Về con chung: Bà Ngô Thị Như L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Tường K1 sinh ngày 31/8/2004 và Trần Tường K2 sinh ngày 22/9/2006, ông Trần Tường T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 5.000.000 (năm triệu) đồng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

* Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2/ Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Trần Tường T nộ, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0037744 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Trần Tường T nộ.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân